

	QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	Mã tài liệu	
		Lần ban hành	01

QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

HOSE (SGDCK TP.HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
1. Hàng hóa giao dịch		
Các loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, trái phiếu đã được đăng ký niêm yết tại SGDCK TP.HCM.	Các loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư ETF đã được đăng ký niêm yết tại SGDCK Hà Nội.	Cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi đăng ký giao dịch tại sàn UpCom – SGDCK Hà Nội.
2. Thời gian giao dịch		
Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định của Bộ Luật Lao động.		
9:00 đến 9h15: Mở cửa phiên sáng, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATO, giới hạn (LO).	9h00 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục; lệnh sử dụng LO, lệnh thị trường (MOK, MAK, MTL).	9h00 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục; lệnh sử dụng LO.
9h15-11h30: Khớp lệnh liên tục. Phiên sáng: Lệnh sử dụng LO, MP. Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.		
9h00-11h30: Giao dịch thỏa thuận.		
11h30 đến 13h00: Tạm nghỉ giao dịch.		
13h00-14h30: Khớp lệnh liên tục. Phiên chiều: Lệnh sử dụng LO, MP.	13h00 đến 14h30: Khớp lệnh liên tục. Loại lệnh sử dụng LO, lệnh thị trường (MOK, MAK, MTL).	13h00 đến 15:00: Khớp lệnh liên tục; lệnh sử dụng LO.
14h30 đến 14h45: Đóng cửa phiên chiều, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATC, giới hạn (LO). Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.	14h30- 14h45: Đóng cửa phiên chiều, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATC, giới hạn (LO). Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.	
13h00-15h00: Giao dịch thỏa thuận. Đối với trái phiếu: Chỉ có phương thức giao dịch thỏa thuận từ 9h00 đến 11h30 và từ 13h00 đến 15h00.	13h00-15h00: Giao dịch thỏa thuận.	
Đóng cửa thị trường: 15h00		
3. Phương thức giao dịch		
Giao dịch khớp lệnh		
Phương thức khớp lệnh định kỳ		
So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên mở cửa (9h15) và đóng cửa (14h45).	So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên đóng cửa (14h45).	Không áp dụng.
Phương thức khớp lệnh liên tục so khớp ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch		
Chỉ áp dụng cho giao dịch CP/Chứng chỉ quỹ đóng (CCQ)/Chứng chỉ quỹ (CCQ) ETF.	Áp dụng cho CP; Chứng chỉ quỹ (CCQ) ETF.	
Giao dịch thỏa thuận		
Các bên mua bán thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch. Sau đó, giao dịch sẽ được công ty chứng khoán thành viên bên bán và mua nhập vào hệ thống giao dịch để ghi nhận kết quả (Áp dụng cho		

	QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	Mã tài liệu	
		Lần ban hành	01

cả CP/TP/CCQ).

Nguyên tắc so khớp lệnh

(a) Ưu tiên về giá: Các lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước; các lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

(b) Ưu tiên về thời gian: Đối với các lệnh mua (hoặc lệnh bán) có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

Nếu các lệnh đối ứng cùng thỏa mãn nhau về giá thì giá khớp sẽ là giá của lệnh được nhập vào hệ thống trước.

4. Loại lệnh

ATO (ATC): Là lệnh đặt mua/bán chứng khoán tại mức giá mở cửa (đóng cửa). Là lệnh không ghi giá cụ thể, ghi ATO/ATC . Đây là lệnh được ưu tiên trước lệnh LO trong khi so khớp lệnh và tự động hủy nếu không khớp.	Chỉ áp dụng lệnh ATC .	Không áp dụng.
Lệnh thị trường: Là lệnh mua tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Lệnh thị trường được sử dụng trong đợt giao dịch khớp lệnh liên tục. Lệnh thị trường sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng.		Không áp dụng.
Loại lệnh thị trường áp dụng (MP) MP: Phần còn lại của lệnh chưa được khớp (nếu có) sẽ chuyển thành lệnh giới hạn tại mức giá mua cao hơn (hoặc giá bán thấp hơn) một bước giá so với mức giá khớp cuối cùng.	Loại lệnh thị trường áp dụng (MAK, MOK, MTL). MOK (Match or Kill): Lệnh thị trường với thuộc tính FOK (Fill or Kill) . Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy toàn bộ lệnh. MAK (Match and Kill) : Lệnh thị trường với thuộc tính FAK (Fill and Kill) . Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy phần còn lại của lệnh. MTL (Market to Limit): Lệnh thị trường – Giới hạn: Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành lệnh giới hạn.	

LO (Lệnh giới hạn): Là lệnh mua/bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn; Là lệnh có ghi giá cụ thể.

Hiệu lực của lệnh: Đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc đến khi được hủy bỏ.

5. Giá tham chiếu

Giá tham chiếu được tính bằng giá khớp lệnh của phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa của ngày giao dịch liền trước.	Giá TC là bình quân gia quyền các mức giá thực hiện theo phương thức
---	--

	QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	Mã tài liệu	
		Lần ban hành	01

		khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch liền trước đó.
6. Biên độ giao động giá		
CP/CCQ đóng/CCQ ETF: $\pm 7\%$ Giá trần = Giá tham chiếu + 7% Giá sàn = Giá tham chiếu – 7% Trái phiếu: Không quy định.	CP/CCQ ETF: $\pm 10\%$ Giá trần = Giá tham chiếu + 10% Giá sàn = Giá tham chiếu – 10%	Cổ phiếu: $\pm 15\%$ Giá trần = Giá tham chiếu + 15% Giá sàn = Giá tham chiếu – 15% Trái phiếu: Không quy định.
Trường hợp giá trần và giá sàn của CP, CCQ sau khi điều chỉnh theo biên độ giao động vẫn bằng với giá tham chiếu, lúc này: Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + Một đơn vị yết giá; Giá sàn = Giá tham chiếu – Một đơn vị yết giá.		
CP/CCQ đóng/CCQ ETF ngày giao dịch đầu tiên:	CP ngày giao dịch đầu tiên/Ngưng 25 phiên giao dịch liên tiếp:	
CP/CCQ phải có mức giá khởi điểm do tổ chức tư vấn xác định và được sở GD chấp thuận làm giá tham chiếu.		$\pm 40\%$ so với giá tham chiếu.
Biên độ dao động giá: tối thiểu $\pm 20\%$.	Biên độ dao động giá: $\pm 30\%$	
Cách thức đặt lệnh CP/CCQ đóng/CCQ ETF trong ngày giao dịch đầu tiên giống như CP/CCQ đóng/CCQ ETF đang niêm yết (<i>tuy nhiên không cho phép thực hiện lệnh giao dịch thỏa thuận</i>).	Đối với cổ phiếu mới được niêm yết và cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch trên 25 phiên, trong ngày giao dịch đầu tiên hoặc ngày giao dịch trở lại thì không được thực hiện giao dịch thỏa thuận cho đến khi có giá cơ sở được xác lập.	Không quy định.
7. Đơn vị giao dịch		
Cổ phiếu/CCQ đóng/CCQ ETF.	Cổ phiếu/CCQ ETF.	Cổ phiếu/Trái phiếu.
<i>Áp dụng cho GD khớp lệnh.</i>		
1 lô = 10 CP/CCQ đóng/CCQ ETF.	1 lô = 100 CP.	1 lô = 100 CP/100 TP.
Lô chặn: bội số của 10, từ 10 – 500.000 CP/CCQ đóng/CCQ ETF.	Lô chặn: bội số của 100, từ 100 CP.	Lô chặn: bội số của 100, từ 100.
Lô lẻ: từ 1-9 CP/CCQ đóng/CCQ ETF.	Lô lẻ từ 1-99 CP.	Lô lẻ: 1-99CP/TP.
<i>Áp dụng cho GD thỏa thuận</i>		
SL ≥ 20.000 CP.	SL ≥ 5.000 CP.	Không quy định.
Trái phiếu.	Không quy định.	
Giao dịch thỏa thuận không quy định số lượng.		
8. Bước giá		
CP/CCQ đóng: Thị giá < 10.000 đồng: 10 đồng.	Cổ phiếu: Giao dịch khớp lệnh: 100 đồng.	Cổ phiếu: Giao dịch khớp lệnh: 100

	QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	Mã tài liệu	
		Lần ban hành	01

Thị giá từ 10.000 – 49.950 đồng: 50 đồng. Thị giá $\geq$ 50.000 đồng: 100 đồng. CCQ ETF : 10 đồng. Trái phiếu : Không quy định.	Giao dịch thỏa thuận: 1 đồng. CCQ ETF : 1đồng.	đồng. Giao dịch thỏa thuận: 1 đồng.
--	--	--

9. Giao dịch lô lẻ

Không được phép đặt lệnh trên sàn. Giao dịch ngoài sàn.	Thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục và phương thức thỏa thuận. Chỉ được phép nhập lệnh LO (hủy/sửa lệnh tương tự đối với giao dịch lô chẵn). Đơn vị giao dịch là 01 cổ phiếu/trái phiếu (từ 1-99). Giá giao dịch: tương tự giao dịch lô chẵn; các lệnh giao dịch lô lẻ không được sử dụng để xác định giá tham chiếu, giá tính chỉ số. Không được phép thực hiện trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới niêm yết/ngày giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch 25 ngày cho đến khi có giá đóng cửa được xác lập.
--	--

10. Thời hạn thanh toán

Loại lệnh	Lịch phong tỏa tiền (<i>lệnh Mua</i>), chứng khoán (<i>lệnh Bán</i>).	Lịch thanh toán tiền. (<i>Ghi giảm tiền trên tài khoản khách hàng với lệnh Mua; ghi tăng tiền trên tài khoản khách hàng với lệnh Bán</i>).	Lịch thanh toán chứng khoán. (<i>Ghi giảm CK trên tài khoản khách hàng với lệnh Bán; ghi tăng CK trên tài khoản khách hàng với lệnh Mua</i>).
Lệnh Mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ.	Từ T+0 đến T+2	T+2	T+2
Lệnh Mua trái phiếu.	Từ T+0 đến T+1	T+1	T+1
Lệnh bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ.	Từ T+0 đến T+2	T+2	T+2
Lệnh Bán trái phiếu.	Từ T+0 đến T+1	T+1	T+1

11. Phương thức nhận lệnh

Giao dịch trực tiếp tại sàn. Giao dịch qua điện thoại: (0225) 3842.332/3842.335 Giao dịch trực tuyến: Haseco Web (giao dịch trên trình duyệt website); HAC Mobile (giao dịch Mobile App); Nhà đầu tư vui lòng xem chi tiết tại website: http://www.haseco.vn

12. Quy định chung khác

	QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	Mã tài liệu	
		Lần ban hành	01

- (a) Mỗi nhà đầu tư chỉ có thể mở 1 tài khoản tại 01 công ty chứng khoán và được phép mở tài khoản ở nhiều công ty chứng khoán.
- (b) Nhà đầu tư có thể cùng mua và bán 1 loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong cùng ngày, Nhà đầu tư không được đặt các lệnh giao dịch vừa mua, vừa bán đồng thời cùng một loại chứng khoán trong cùng một đợt khớp lệnh định kỳ, trừ các lệnh đã được nhập vào hệ thống tại phiên giao dịch liên tục trước đó, chưa khớp nhưng vẫn còn hiệu lực.
- (c) Nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ chứng khoán khi đặt lệnh bán và đủ tiền ký quỹ khi đặt lệnh mua theo quy định.
- (d) Tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 5% số cổ phiếu mỗi khi có giao dịch làm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành so với lần báo cáo gần nhất phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày có sự thay đổi.
- (e) Cổ đông nội bộ (Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên BKS, Cổ đông lớn, Người công bố thông tin & Người có liên quan của những người này) của tổ chức niêm yết có ý định giao dịch cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành giao dịch sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ phía SGDCK. Cổ đông nội bộ phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch về kết quả thực hiện giao dịch trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoặc kể từ khi hết thời hạn dự kiến giao dịch.
- (f) Quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài:
- (i) Cổ phiếu: Tùy thuộc vào room của công ty đó mà NĐTNN được phép đầu tư.
 - (ii) Chứng chỉ quỹ ETF: Không hạn chế.
 - (iii) Chứng chỉ quỹ mở: Không hạn chế trừ trường hợp điều lệ quỹ quy định giới hạn.
 - (iv) Chứng chỉ quỹ đóng, quỹ thành viên: không hạn chế trừ trường hợp điều lệ quỹ quy định giới hạn.